

Năng suất lao động (NSLĐ) của Việt Nam tính theo GDP bình quân một lao động nông nghiệp thuộc nhóm thấp và đang giảm ở châu Á - Thái Bình Dương, bằng 1/16 Ma-lai-xia và 2/5 Thái Lan.

Doanh nghiệp nông nghiệp được coi là lực lượng dẫn dắt các chuỗi giá trị nông nghiệp và tạo hiệu ứng lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội. Nhìn từ góc độ nâng cao NSLĐ nông nghiệp, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng cả trong tạo việc làm và nâng cao giá trị gia tăng ngành.

NỘI DUNG:

- 1. Thực trạng NSLĐ nông nghiệp nông thôn Việt Nam hiện nay**
- 2. Vai trò của khu vực tư nhân trong thúc đẩy tăng NSLĐ nông nghiệp**
- 3. Định hướng chính sách, giải pháp thu hút đầu tư tư nhân, nâng cao NSLĐ nông nghiệp**

Vấn đề việc làm có ý nghĩa to lớn đối với đời sống kinh tế xã hội của mỗi quốc gia. Ở nông thôn, tình trạng thiếu việc làm do diện tích đất canh tác bình quân một lao động thấp cộng với tính thời vụ của sản xuất nông nghiệp, nguồn vốn hạn chế, trình độ dân trí thấp, không có khả năng tự tạo việc làm, cơ cấu kinh tế lạc hậu, thu nhập thấp. Giải quyết việc làm và tăng thu nhập cho lao động nông thôn là đòi hỏi rất cấp bách.

Cùng với quá trình phát triển kinh tế, tỷ trọng nông nghiệp trong tổng GDP của cả nước giảm dần, từ 38,1% năm 1986 xuống 24,5% năm 2000 và 15,3% vào năm 2017 (GSO, 2018). Công nghiệp hóa, đô

thị hóa diễn ra mạnh mẽ khiến cho diện tích đất nông nghiệp ngày càng bị thu hẹp, nhất là ở những vùng nông thôn ven đô, thị xã, thị trấn, hai bên trục đường giao thông... Trong khi đó, chuyển dịch cơ cấu lao động chưa theo kịp sự thay đổi cơ cấu kinh tế. Năm 2017, vẫn còn 40,3% lực lượng lao động làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, càng làm cho sức ép do thiếu việc làm toàn thời gian trong nông nghiệp thêm gay gắt. Các hoạt động ngành nghề phi nông nghiệp ở khu vực nông thôn vẫn chậm phát triển, cơ hội tìm được việc làm ngoài nông nghiệp khó khăn. Mục tiêu xóa đói giảm nghèo ở khu vực nông thôn chưa đạt như mong muốn.

1. THỰC TRẠNG NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN VIỆT NAM HIỆN NAY

Năng suất lao động (NSLĐ) của Việt Nam tính theo GDP bình quân một lao động nông nghiệp thuộc nhóm thấp và đang giảm ở châu Á - Thái Bình Dương, bằng 1/16 Ma-lai-xia và 2/5 Thái Lan. Tuy nhiên cần lưu ý do tính chất mùa vụ của sản xuất nông nghiệp,

nhiều lao động được xếp là lao động nông nghiệp nhưng lại chỉ dành 2-3 tháng một năm cho sản xuất nông nghiệp, thường là vào vụ cấy hay gặt lúa, thời gian còn lại làm các công việc khác, có thể làm sai lệch kết quả tính toán NSLĐ nông nghiệp.



Nghiên cứu của Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (IPSARD) Bộ Nông nghiệp và PTNT phối hợp với Ngân hàng Thế giới (WB) năm 2017 cho thấy, giá trị gia

tăng tính trên giờ lao động thực tế của một số tiểu ngành nông nghiệp tương đương, thậm chí cao hơn công nghiệp chế biến, xây dựng (Bảng 1).

Bảng 1 - Năng suất lao động nông nghiệp tính theo giờ công tương đương với các ngành thâm dụng lao động khác

Ngành nghề	GDP/lao động (VND/năm)	NSLĐ theo giờ công (VND/ngày)	NSLĐ theo giờ công (VND/năm)
Nông nghiệp	30,000,000		
Trồng trọt		204,000	51,000,000
Chăn nuôi		228,000	57,000,000
Dịch vụ		304,000	76,000,000
Thủy sản		275,000	68,750,000
Lâm nghiệp		157,000	39,250,000
Công nghiệp chế biến	70,000,000		
Xây dựng	65,000,000		

Nguồn: IPSARD và WB, Nghiên cứu việc làm nông nghiệp 2017

Theo khảo sát của IPSARD năm 2017 tại 10 tỉnh trên cả nước về 7 ngành hàng trọng điểm là lúa gạo, quả, tiêu, cà phê, thịt lợn, tôm, cá tra, cho thấy NSLĐ theo giờ của một số ngành hàng đặc biệt cao. Tiêu biểu như ngành hàng tiêu có NSLĐ gấp từ 3-9 lần, cây ăn quả có NSLĐ gấp từ 3-5 lần NSLĐ bình quân tiểu ngành trồng trọt; ngành hàng tôm có NSLĐ gấp

từ 6-12 lần NSLĐ bình quân tiểu ngành thủy sản.

Tính toán NSLĐ theo thời gian lao động nêu trên thể hiện chuyển đổi lao động nội ngành nông nghiệp, sang sản xuất những nông sản có giá trị gia tăng cao cũng là một kênh quan trọng, bên cạnh các kênh chuyển đổi lao động khác như sang công nghiệp dịch vụ, đô thị hay xuất khẩu lao động.

2. VAI TRÒ CỦA KHU VỰC TƯ NHÂN

Doanh nghiệp nông nghiệp được coi là lực lượng dẫn dắt các chuỗi giá trị nông nghiệp và tạo hiệu ứng lan tỏa cho phát triển kinh tế - xã hội. Nhìn từ góc độ nâng cao NSLĐ nông nghiệp, doanh nghiệp đóng vai trò quan trọng cả trong tạo việc làm và nâng cao giá trị gia tăng ngành. Thu hút doanh

nh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp có ý nghĩa rất lớn đối với chuyển đổi lao động nội ngành, đặc biệt trong tìm đầu ra cho sản phẩm mới có giá trị cao, tăng hàm lượng chế biến sâu, áp dụng khoa học công nghệ, xây dựng thương hiệu và chuỗi liên kết từ nông dân đến người tiêu dùng cuối cùng.

Khảo sát hộ sản xuất ở Lâm Đồng đầu năm 2018 cho thấy lợi nhuận từ trồng khoai tây trung bình khoảng 86 triệu đồng/ha/năm, thấp hơn trồng rau gia vị như hành lá (hơn 100 triệu đồng/ha/năm) nhưng cao hơn rau vụ đông khác như bắp cải, cà chua (76 triệu đồng/ha/năm) và xà lách (43 triệu đồng/ha/năm).

Tuy nhiên với hộ trồng khoai tây có hợp đồng với PepsiCo thì lợi nhuận lên tới 109 triệu đồng/ha/vụ, cao hơn lợi nhuận của hộ ngoài dự án khoảng 26%. Mỗi năm công ty chỉ thu mua một vụ nên thời gian còn lại hộ có thể có thêm thu nhập từ trồng cây khác trên đất hợp đồng.



Theo Bộ Nông nghiệp và PTNT, tính đến cuối năm 2017, tổng số doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp là gần 6000, nhưng phần lớn là doanh nghiệp vừa và nhỏ. Gần đây, có nhiều doanh nghiệp, tập đoàn lớn trong nước quan tâm tìm hiểu và đầu tư vào nông nghiệp với quy mô lớn, đặc biệt là các mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ

cao. Tuy nhiên, số doanh nghiệp thành công trong xây dựng chuỗi liên kết với nông dân, hình thành vùng nguyên liệu bền vững như PepsiCo còn rất hiếm. Năm 2016, diện tích tham gia liên kết chỉ chiếm 4% tổng diện tích gieo trồng của cả nước, trong đó chưa đầy 30% có hợp đồng bao tiêu sản phẩm trước khi sản xuất.

PepsiCo ký hợp đồng sản xuất khoai tây với nông dân

Công ty TNHH Thực phẩm PepsiCo Việt Nam bắt đầu kinh doanh nước giải khát ở Việt Nam vào năm 1994, đến năm 2005 bắt đầu kinh doanh mảng thực phẩm, chủ yếu là snacks. Năm 2007, công ty bắt đầu dự án phát triển nông nghiệp, khởi đầu bằng các khảo sát và thử nghiệm đồng ruộng. Năm 2008, công ty thành lập nhà máy sản xuất thực phẩm tại Bình Dương, sản xuất khoai tây chiên cắt lát và bắt đầu hợp đồng sản xuất khoai tây trực tiếp với nông dân.

Công ty ký hợp đồng sản xuất với tất cả nông dân tham gia dự án, giá được ghi rõ trong hợp đồng. Điều kiện để ký hợp đồng là có diện tích tối thiểu 0,3 ha/ hợp đồng, tinh thần hợp tác, điều kiện đất, nguồn nước phù hợp với việc sản xuất khoai tây. Công ty sẽ ứng giống và phân bón sau khi ký hợp đồng và số tạm ứng này sẽ được trừ lại khi thu hoạch khoai. Trước và trong vụ, công ty tổ chức tập huấn, thăm ruộng và hướng dẫn nông dân làm đất, trồng, chăm sóc và thu hoạch khoai tây. Công ty có chính sách chia sẻ rủi ro khi năng suất của nông hộ dưới điểm hòa vốn, giúp nông dân giảm lỗ và tái đầu tư cho các vụ sau.

Phần lớn nông hộ hợp đồng cung ứng khoai tây cho công ty là ở Lâm Đồng. Ở đây có điều kiện đất đai và thổ nhưỡng thích hợp; nông dân có tiềm lực kinh tế tốt, có thể đầu tư thâm canh cho cây khoai tây; nông dân có kinh nghiệm sản xuất màu trong đó có khoai tây; tỉnh quan tâm đến phát triển cây khoai tây và đã hỗ trợ giống trực tiếp cho nông dân ở những năm đầu của dự án (5% nông hộ); quy hoạch vùng trồng ổn định và công ty đã cam kết thu mua toàn bộ sản phẩm đạt chất lượng với giá thỏa thuận từ đầu vụ, giúp nông dân an tâm sản xuất và tập trung nâng cao sản lượng.

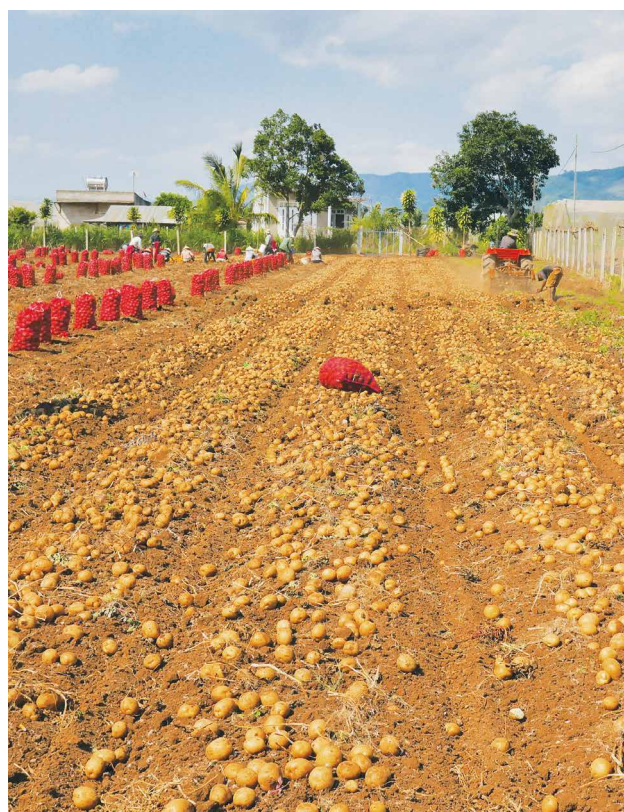
Năm 2008, diện tích ký hợp đồng là 35 ha, sau 10 năm đến 2018 tổng diện tích khoảng 450 ha, với gần 600 nông hộ tham gia. Năng suất vụ khô bình quân tăng từ 8 tấn/ha năm 2010 lên 24 tấn/ha năm 2018. Tổng sản lượng từ hợp tác trực tiếp với nông dân phía Nam là 10.000 tấn năm 2018 và khoảng 1000 tấn từ phía Bắc qua các nhà cung cấp địa phương.

3. ĐỊNH HƯỚNG CHÍNH SÁCH, GIẢI PHÁP THU HÚT ĐẦU TƯ TƯ NHÂN, NÂNG CAO NĂNG SUẤT LAO ĐỘNG NÔNG NGHIỆP

Việc ban hành chính sách để rút lao động ra khỏi ngành nông nghiệp, giữ lại đội ngũ “nông dân chuyên nghiệp” là giải pháp căn bản để nâng cao NSLĐ trong nông nghiệp, đẩy nhanh chuyển dịch lao động nông nghiệp. Chỉ cần giữ lại khoảng 1/5 lực lượng lao động nông nghiệp hiện tại, làm toàn thời gian, thì vẫn duy trì được sản xuất ở mức như hiện nay. Vấn đề là nâng cao kỹ năng cho lao động, tổ chức lại sản xuất, đa dạng hóa sản phẩm để khắc phục tính thời vụ và giảm rủi ro. Theo Tổng điều tra nông thôn, nông nghiệp và thủy sản 2016, có tới 66% lao động nông thôn và 92% lao động nông nghiệp chưa qua đào tạo, là thách thức rất lớn khi cạnh tranh ngày càng khốc liệt và đòi hỏi ngày càng cao của người tiêu dùng trong bối cảnh hội nhập và cách mạng số.

Bộ Nông nghiệp và PTNT đã xác định các ưu tiên phát triển của ngành theo ba trục sản phẩm: các sản phẩm chủ lực quốc gia, các sản phẩm cấp tỉnh và sản phẩm đặc sản địa phương được xây dựng và phát triển cùng với xây dựng nông thôn mới theo mô hình “Mỗi xã một sản phẩm”. Các giải pháp nâng cao giá trị gia tăng cho nông sản, thu hút đầu tư của khu vực tư nhân cũng cần gắn với ba trục sản phẩm này. Đối với sản phẩm chủ lực quốc gia: ưu tiên thu hút đầu tư của doanh nghiệp quy mô lớn, đóng vai trò hạt nhân, dẫn dắt, phát triển chuỗi giá trị đồng bộ, tập trung thu hút đầu tư vào các cụm liên kết ngành cấp vùng, gắn với các vùng chuyên canh lớn của các doanh nghiệp, kết nối giữa khu hạt nhân của cụm và các vệ tinh gồm các khu/cụm công nghiệp dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp cấp tỉnh. Đối với sản phẩm chủ lực

cấp tỉnh: ưu tiên thu hút doanh nghiệp vừa và nhỏ đối với sản phẩm có lợi thế của địa phương, tập trung thu hút vào các cụm liên kết ngành cấp tỉnh, gắn với vùng nguyên liệu của doanh nghiệp. Đối với sản phẩm đặc thù vùng miền: ưu tiên thu hút đầu tư của doanh nghiệp quy mô cực nhỏ, doanh nghiệp khởi nghiệp, các hợp tác xã, hộ sản xuất kinh doanh, gắn với các tiểu vùng có sản phẩm đặc sản vùng miền.



Máy thu hoạch khoai tây trên ruộng sản xuất theo hợp đồng với công ty Pepsi 6

Lời cảm ơn

Văn phòng Chương trình Hỗ trợ quốc tế (ISG), Vụ Hợp tác Quốc tế - Bộ Nông nghiệp và PTNT xin chân thành cảm ơn sự hợp tác của các bên: Đối tác Phát triển Nông nghiệp Bền vững (PSAV), Bộ phận hỗ trợ doanh nghiệp Nhật Bản tại Bộ Nông nghiệp và PTNT (ABJD) thuộc Cơ quan Hợp tác Quốc tế Nhật Bản (JICA), Công ty PepsiCo Việt Nam, Viện Chính sách và Chiến lược phát triển nông nghiệp nông thôn (IPSARD) và các chuyên gia đã hỗ trợ thực hiện bản Tóm lược chính sách này.